TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **738**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long.

2. Ông Nguyễn Đức Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 502/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc P – sinh năm 1993;

HKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T – sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc P trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trí T tự nguyện cưới nhau vào năm 2012, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới vợ chồng chị sống với nhà cha mẹ chồng tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về tiền bạc. Vào tháng 7/2023, chị có làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T, sau đó chị rút lại yêu cầu xin ly hôn với anh T để cho vợ chồng có thời gian hàn gắn. Tuy nhiên, vợ chồng chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Chị và anh T đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phương T1 – sinh ngày 03/01/2014. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung.

** Theo bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Trí T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị P là vợ chồng, có đăng ký kết hon tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2013. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến trước tết năm 2022 thì vợ anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay gần 01 năm. Trong thời gian đó, anh cũng thường xuyên đến thăm vợ con và năn nỉ vợ anh về nhà. Vợ chồng anh mâu thuẫn không lớn, nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P vì anh còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phương T1 – sinh ngày 03/01/2014. Hiện nay, con đang ở với chị P. Trường hợp nếu Toà án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị P trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T, chị không đồng ý hàn gắn tình cảm theo ý kiến của anh T. Về con chung, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T và chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con của chị P. Về tài sản chung và nợ chung, chị P và anh T trình bày anh chị không có tài sản

chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh T khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh T có đơn xin hoà giải và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị P và anh Nguyễn Trí T tự nguyện cưới nhau vào năm 2012, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về tiền bạc. Chị P và anh T đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay và chị P đã có khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, sau đó vợ chồng chị thống nhất đoàn tụ để tự giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, vợ chồng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nên chị P tiếp tục có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn với chị P với lý do mâu thuẫn giữa vợ chồng anh không lớn và anh còn thương vợ, thương con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị P và anh T đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không tự giải quyết được mâu thuẫn, đồng thời anh T có ý kiến muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không tham gia hòa giải và anh T cũng không có biện pháp để anh và chị P hàn gắn tình cảm nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Phương T1 – sinh ngày 03/01/2014. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn anh T có văn bản ý kiến đồng ý để chị P nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết yêu câu xin ly hôn của chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị P và anh T ly thân thì cháu T1 do chị P nuôi dưỡng, đồng thời cháu T1 có nguyện vọng được sống với chị P khi chị P và anh T ly hôn. Do đó, để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển về tinh thần, thể chất và môi trường học tập của cháu nên Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị P.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T đều có văn bản trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc P đối với anh Nguyễn Trí T.

Chị Nguyễn Thị Trúc P được ly hôn với anh Nguyễn Trí T.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị P. Giao con chung tên Nguyễn Phương T1 – sinh ngày 03/01/2014 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0006516 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị P đã thi hành xong.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị P được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh